

LÝ THUYẾT VÀ KHUNG MẪU LÝ THUYẾT TRONG XÃ HỘI HỌC ĐƯƠNG ĐẠI

TÔ DUY HỢP

Trong bài "Lý thuyết", A. Giddens viết "chúng ta có thể phân biệt khái niệm *cách tiếp cận có tính lý thuyết* với khái niệm *lý thuyết*. Cách tiếp cận có tính lý thuyết là những định hướng lớn bao trùm đối với đối tượng của xã hội học. Các lý thuyết có tính tập trung hẹp hơn và là những nỗ lực nhằm giải thích diện các điều kiện xã hội hay các sự kiện nhất định, các lý thuyết thường được hình thành như một bộ phận của quá trình nghiên cứu và đến lượt mình, chúng gợi ra các vấn đề mà các nghiên cứu cần tập trung vào"¹.

Có nhiều cách tiếp cận lý thuyết và rất nhiều lý thuyết trong xã hội học. Điều này đã được tất cả các nhà xã hội học thừa nhận. Trong bài "*Lý thuyết*" nêu trên, Giddens viết: "Người ta đã phát triển vô số các lý thuyết trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau mà trong đó các nhà xã hội học làm việc". Sách "*Nhập môn xã hội học*"² khẳng định: "...do không có kiểu phát triển duy nhất của xã hội học nên không có quan điểm xã hội học duy nhất"... "Xã hội học là khoa học gồm các lý thuyết cạnh tranh về việc xác định và lý giải đời sống xã hội".

Để làm rõ sự khác biệt, thậm chí đối lập, loại trừ nhau giữa các cách tiếp cận lý thuyết hoặc giữa các lý thuyết cần phải tiến hành so sánh, đối chiếu các đặc trưng lý thuyết.

Chẳng hạn, trong sách "*Nhập môn xã hội học*" đã dẫn, các tác giả đã lập bảng so sánh, đối chiếu hai cách tiếp cận lý thuyết tổng quát trong xã hội học, đó là thực chứng luận và phản thực chứng luận theo 4 phương diện cơ bản: 1/ *bản thể luận* (học thuyết về tồn tại và bản chất của tồn tại), 2/ *nhận thức luận* (học thuyết về nhận thức và quy luật của nhận thức), 3/ *phương pháp luận* (học thuyết về phương pháp và lôgic của phương pháp) và 4/ *phương pháp* (kỹ thuật thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin). Bảng so sánh đó có dạng sau:³

¹ Xem, Anthony Giddens, *Lý thuyết*. Tạp chí Xã hội học, số 1/1999, tr. 100.

² Xem, Tony Bilton, Kenvin Bonnett, v.v... *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 24, 25.

³ Xem, Tony Bilton, Kenvin Bonnett, v.v... Sđđ, tr 456. *Bảng so sánh phương pháp*, xem tr. 490.

	Thực chứng	Phản thực chứng
<i>Bản thể luận/khoa học luận*</i>	Thực tế xã hội tồn tại như những quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng	Thực tế xã hội là một sản phẩm của sự tác động qua lại xã hội có ý nghĩa
<i>Phương pháp luận</i>		
- Định nghĩa thực tế	Những giải thích dựa trên quan sát nhằm đặt giả thuyết về mối quan hệ nhân quả giữa các biến số.	Những giải thích theo chủ thể
- Quá trình hiệu lực hóa	Kiểm tra các giả thuyết bằng cách sử dụng bằng cứ định lượng.	Hiểu biết thông qua sự nắm bắt các bằng cứ định tính.
- Hình thức giải thích	Phát biểu có giá trị thực nghiệm về những quan hệ nhân quả như định luật giữa các biến số	Những mô tả có ý nghĩa để hiểu là đời sống xã hội được hoàn thành như thế nào.

Chuyên khảo "*Các lý thuyết xã hội học hiện đại*"⁴ đã tập trung so sánh đối chiếu 3 lý thuyết nền tảng trong xã hội học: 1/ *Thuyết chức năng - cơ cấu*, 2/ *Thuyết xung đột*, 3/ *Thuyết hành vi* theo các phương diện sau đây:

- Lịch sử lý thuyết: bao gồm:
 - Nguồn gốc lý thuyết
 - Sự phát triển của lý thuyết
- Các nét chính hiện nay của lý thuyết, bao gồm:
 - Những điều chung
 - Những nét đặc thù
- Những góc độ riêng, bao gồm:
 - Cá nhân và xã hội.
 - Phân hóa xã hội.
 - Những cấu trúc quan trọng của xã hội.
 - Xung đột và nhất trí.
 - Các giá trị và chuẩn mực xã hội.
 - Xã hội hóa.

Ưu, nhược điểm của mỗi lý thuyết xã hội học được đánh giá theo 10 tiêu chuẩn sau đây: 1/ Tính khái quát, 2/ Quy mô, 3/ Đánh giá giả thuyết, 4/ Hình thức hóa, 5/ Tiên đề hóa, 6/ Quan hệ với các lý thuyết khác, 7/ Khả năng dự báo, 8/ Khả năng thông báo, 9/ Khả năng tái hiện, 10/ Khả năng thực hiện.

Một bảng so sánh khác, có thể đọc được trong sách "*Xã hội học*"⁵ có dạng như sau:

* Từ "*khoa học luận*" ở đây dịch từ "epistemology" trong tiếng Anh, nên dịch theo nghĩa sát hơn là "*nhận thức luận*".

⁴ Xem, Günter Endruweit chủ biên. *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 1999.

	Thuyết chức năng (Functionalist)	Thuyết xung đột (Conflict)	Thuyết tương tác (Interactionist)
1. Quan niệm về xã hội	Ổn định, tích hợp cao độ	Căng thẳng, đấu tranh giữa các nhóm	Ảnh hưởng và tác động mạnh tới tương tác xã hội hàng ngày
2. Cấp độ phân tích được nhấn mạnh	Phân tích xã hội học vĩ mô đối với các khuôn mẫu to lớn	Phân tích xã hội học vĩ mô đối với các khuôn mẫu to lớn	Phân tích xã hội học vi mô như phương thức thấu hiểu các hiện tượng rộng lớn
3. Quan niệm về cá nhân	Con người được xã hội hóa để thực hiện các chức năng xã hội	Con người được sắp đặt theo quyền lực, cưỡng chế và ủy quyền	Con người nhào nặn các biểu tượng và sáng tạo thế giới xã hội của họ thông qua tương tác
4. Quan niệm về trật tự xã hội	Trật tự xã hội được duy trì thông qua hợp tác và đồng tình	Trật tự xã hội được duy trì thông qua sức mạnh và sự cưỡng chế	Trật tự xã hội được duy trì bởi sự chia sẻ hiểu biết về hành vi của mỗi người
5. Quan niệm về biến đổi xã hội	Dự báo được, có thể tăng cường	Biến đổi luôn diễn ra và có thể đưa lại hệ quả tích cực	Biến đổi xã hội được thể hiện trong các địa vị và sự giao tiếp của mỗi người với người khác
6. Các khái niệm chủ chốt	Tính ổn định, chức năng biểu hiện, chức năng ẩn tàng, phản chức năng	Cạnh tranh lợi ích, bất bình đẳng xã hội, chinh phục các nhóm	Biểu tượng, nhóm nhỏ, giao tiếp không lời
7. Các tác giả chính	E. Durkheim, T. Parson R. Merton M. J. Levyjun N. Luhmann	K. Marx W. E. B. Du Bois C. Wright Mills R. Dahrendorf L. Coser A. Rapaport	G. H. Mead C. H. Cooley E. Goffman

Các tác giả R. A. Wallace & A. Wolf⁶ trong chuyên khảo: "Lý thuyết xã hội học đương đại - sự mở rộng truyền thống cổ điển" đã lập bảng so sánh các lý thuyết xã hội học theo 4 phương diện: 1/ *Đối tượng* (Subject matter), 2/ *Các giả định* (Assumptions), 3/ *Phương pháp luận* (Methodology) và 4/ *Mục đích* (Objectives), kết quả như sau:

1. Các cấp độ phân tích	Vĩ mô (Macro)	Vĩ mô (Micro)
	- Thuyết chức năng (Functionalism) - Thuyết xung đột (Conflict)	- Thuyết tương tác tượng trưng (Symbolic interactionism) - Hiện tượng luận (Phenomenology) - Thuyết lựa chọn hợp lý (Rational choice)
2. Quan điểm về tồn tại người	Có tính dự báo (Predictable)	Có tính sáng tạo (Creative)
	- Thuyết chức năng - Thuyết xung đột - Thuyết lựa chọn hợp lý	- Thuyết tương tác biểu trưng - Hiện tượng luận

⁵ Xem, Richard T. Schaefer, Robert P. Lamm. *Sociology*. Sixth Edition, The Mc Graw - Hill Companies, Inc, 1998.

⁶ Xem, Ruth A. Wallace, Alison Wolf. *Contemporary Sociological theory. Expanding the classical tradition*. Fifth Edition. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey, 1999.

3. Động cơ của hành động xã hội	Các giá trị (Values)	Các lợi ích (Interests)	
	- Thuyết chức năng - Hiện tượng luận - Thuyết tương tác tượng trưng	- Thuyết xung đột - Thuyết lựa chọn hợp lý	
4. Tiếp cận khoa học	Diễn dịch (Deductive)	Quy nạp (Inductive)	
	- Thuyết chức năng - Thuyết xung đột - Thuyết lựa chọn hợp lý	- Thuyết tương tác tượng trưng - Hiện tượng luận	
5. Mục đích	Miêu tả (Description)	Giải thích (Explanation)	Dự báo (Prediction)
	- Thuyết tương tác tượng trưng - Hiện tượng luận	- Thuyết chức năng - Thuyết xung đột - Thuyết lựa chọn hợp lý	- Thuyết tiến hóa (Evolutionism) - Thuyết chức năng - Thuyết xung đột - Thuyết lựa chọn hợp lý

Ta có thể so sánh chi tiết hơn sự khác nhau giữa 3 lý thuyết: 1/ *Hiện tượng luận*, 2/ *Thuyết tương tác tượng trưng* và 3/ *Phương pháp luận dân tộc* để sáng tỏ thêm rằng ngay trong một cách tiếp cận lý thuyết chung là lý thuyết xã hội học vi mô, đề cao vai trò của hành động xã hội thì cũng đã có ít nhất 3 lý thuyết vừa cạnh tranh lại vừa hợp tác với nhau⁷.

Lý thuyết xã hội học	Bản thể luận	Nhận thức luận	Phương pháp luận		
			Định nghĩa thực tế	Hiệu lực hóa	Hình thức giải thích
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Hiện tượng luận</i> 1. A. Schutz 2. P. Berger 3. T. Luckmann 	Thực tại xã hội là tập hợp các ý nghĩa chung mà các chủ thể chia sẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa đã định về mặt xã hội trong thế giới chung của các ý nghĩa - Không phải lúc nào cũng xem xét động cơ, vì người ta hành động thường theo thói quen 	Đời sống xã hội được diễn đạt độc nhất qua sự dãn xếp của các ý nghĩa và thành quả thực tiễn của các hoạt động thường ngày	Phép quy nạp phân tích	Định tính là chính
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Tương tác tượng trưng</i> 1. H. Blumer 2. G. H. Mead 3. C. H. Cooley 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tại xã hội do cá nhân sáng tạo ra - Cá nhân hình thành, phát triển thông qua tương tác xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được mình thông qua người khác - Hiểu ý nghĩa qua ngôn ngữ và các biểu tượng khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ có thể hiểu được thực tế xã hội qua tìm hiểu ý thức của họ - Câu hỏi mở, "nó thế nào thì nói thế ấy" - 7 nguyên tắc cơ bản⁸ 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy nạp phân tích - Không thoát khỏi hoàn toàn chủ nghĩa thực chứng 	<ul style="list-style-type: none"> - Định tính là chính - Có bổ sung định lượng

⁷ Xem, chẳng hạn, Tony Bilton, Kenvin Bonnett v.v... Sđd

⁸ 7 nguyên tắc cơ bản, đó là: 1. Năng lực tư duy, 2. Tư duy và tương tác, 3. Học hỏi ý nghĩa và các biểu tượng, 4. Hành động và tương tác, 5. Lựa chọn, 6. Bản thân, 7. Các nhóm và các xã hội.

<ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp luận dân tộc 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tại xã hội là tổng thể tương tác tương trung - Hành động tự động ít quan tâm động cơ - Mỗi người vừa là chủ thể vừa là khách thể - Hành động xã hội là phản xạ tự ý thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người nhận thức chủ quan - Nhà xã hội học cũng chủ quan - Nhà xã hội học chẳng qua chỉ là thêm một chủ thể, thêm một sự giải thích chủ quan 	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả, kể cả nhà xã hội học đều là "thành viên" của trao đổi xã hội, dàn xếp và xây dựng một thực tế xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> Giải thích những quan niệm của họ, phơi trần ý nghĩa của chúng qua một sự tự thăm dò kỹ lưỡng, nhất quán trong những cố gắng để giải thích thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích qua quy chiếu vào việc trao đổi năng động của ý nghĩa trong những cuộc gặp gỡ trò chuyện - Định tính thuần túy
--	--	---	--	---	--

Trong tiến trình lịch sử xã hội học đã hình thành những cặp tiếp cận lý thuyết hoặc lý thuyết tương phản, đối đầu nhau, như:

Theo nhận định của A. Giddens⁹ thì có 4 *song đề* (Dilemma) lý thuyết trong xã hội học đương đại. Đó là: 1/ Cấu trúc (structure) và hành động (action), 2/ Đồng thuận (consensus) và xung đột (conflict), 3/ Vấn đề giới (the problem of Gender), 4/ Định hướng của thế giới hiện đại (the Shaping of the modern world).

Theo tôi, một cách đầy đủ hơn, ta thấy có 6 *song đề* (nan đề¹⁰) lý thuyết xã hội học. Đó là:

1. Lý thuyết chức năng xã hội ↔ Lý thuyết xung đột xã hội
2. Lý thuyết cấu trúc xã hội ↔ Lý thuyết hành động xã hội
3. Lý thuyết hệ thống - cấu trúc xã hội ↔ Lý thuyết hệ thống - tiến hóa xã hội
4. Lý thuyết mácxít ↔ lý thuyết phi mácxít
5. Lý thuyết thực chứng ↔ Lý thuyết phản thực chứng
6. Chủ nghĩa toàn thể phương pháp luận ↔ Chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận...

Tuy nhiên những sự đụng độ này chỉ căng thẳng và gay gắt trong giai đoạn *cổ điển*. Bước sang giai đoạn *tân cổ điển* và nhất là ngày nay, ở vào giai đoạn *phi cổ điển*, *hậu hiện đại* thì đã diễn ra sự *tổng - tích hợp các lý thuyết xã hội học*. Quá trình này đang tiếp diễn¹¹.

Các lý thuyết xã hội học phức tạp về mặt cấu trúc. Mỗi lý thuyết đều có phần *lập thuyết* (bao gồm các khái niệm cơ bản, các định đề, quan điểm xuất phát), *luận*

⁹ A. Giddens. Sociology. Third Edition. Polity Press, UK, 1998.

¹⁰ "nan đề" là viết, nói tắt của "vấn đề nan giải".

¹¹ Xem thêm, Tô Duy Hợp. *Tổng - tích hợp lý thuyết, một trào lưu mới của tiến trình phát triển xã hội học*. Tạp chí Xã hội học, số 2/ 2004.

thuyết (lôgic và phương pháp luận nghiên cứu) và *dụng thuyết* (các ứng dụng lý thuyết trong những trường hợp cụ thể). Các lý thuyết xã hội học rất đa dạng về thể loại và phức tạp về cấp độ. Có *lý thuyết tổng quát* và *có lý thuyết chuyên biệt*. Lý thuyết tổng quát có nhiều loại và cấp độ, như lý thuyết tổng quát chung cho cả bộ môn xã hội học khác với lý thuyết tổng quát cho các chuyên ngành xã hội học, lý thuyết chuyên biệt thì càng đa dạng và phong phú hơn.

Những *đa dạng lý thuyết* mới chỉ là một mặt. Mặt khác đó là sự *thống nhất lý thuyết* trong xã hội học. Sự thống nhất lý thuyết được thể hiện tập trung qua *khung mẫu lý thuyết*. Khung mẫu¹² theo T.Kuhn trong sách "*Cấu trúc của các cuộc cách mạng khoa học*"¹³ có 3 ý nghĩa chính sau đây:

1. Theo nghĩa tổng quát nhất thì *khung mẫu là một tập hợp những định đề được công nhận* làm cơ sở cho hoạt động khoa học (a set of unquestioned presuppositions underlying any Scientific activity). Đó là cơ sở triết học và siêu hình học mà hoạt động khoa học dựa vào để lập thuyết, luận thuyết và cả dụng thuyết.

2. *Khung mẫu là ma trận bộ môn* (a disciplinary Matrix) tức là hệ thống những khái niệm, phán đoán, giả định, lý thuyết, ý tưởng, mô hình, những trường hợp trắc nghiệm, và những giá trị mà cộng đồng chuyên môn khoa học chia sẻ.

3. *Khung mẫu là mẫu hình* (exemplar), đó là những thành quả cụ thể của cộng đồng khoa học (the concrete accomplishments of Scientific community), những kết quả nghiên cứu lý thuyết hoặc thực nghiệm có tính kinh điển mà các nhà khoa học trẻ tuổi có thể học tập, vận dụng và góp phần phát triển tiếp tục.

Trong trường hợp lý thuyết xã hội học thì *khung mẫu lý thuyết xã hội học là hệ thống lý thuyết dựa trên một lý thuyết xã hội học chủ đạo* (ta gọi tắt là *chủ thuyết xã hội học*). *Xã hội học cho đến nay là một khoa học đa khung mẫu lý thuyết*¹⁴.

Như ở trên đã ghi nhận, sự đụng độ giữa hai cách tiếp cận lý thuyết: Chẳng hạn như giữa thực chứng luận và phản thực chứng luận diễn ra xuyên suốt lịch sử hình thành, phát triển xã hội học; tức là giữa hai khung mẫu lý thuyết xã hội học. Đó là sự đụng độ giữa hai chủ thuyết: *chủ nghĩa thực chứng* (Positivism) và *chủ nghĩa phản thực chứng* (Antipositivism) từ cơ sở triết học cho đến lý thuyết xã hội học tổng quát và cho đến các lý thuyết xã hội học chuyên biệt; từ lý thuyết đến phương pháp nghiên cứu; từ lập thuyết đến luận thuyết và đến cả dụng thuyết.

¹² Từ tiếng Anh là *Paradigm*, dịch sang tiếng Việt có nhiều cách: *Khung mẫu*, khuôn mẫu, hệ chuẩn, mô thức, mô hình, v.v...

¹³ Xem, T.Kuhn. *The Structure of Scientific Revolutions*. Chicago: University of Chicago Press, 1970.

¹⁴ Xem, chẳng hạn, G. Ritzer. *Contemporary Sociological Theory*. Third Edition. Mc Graw - Hill, Inc, Newyork, 1992, tr 523.

	Khung mẫu sự kiện xã hội	Khung mẫu ý nghĩa xã hội	Khung mẫu hành vi xã hội
1. Mẫu hình	E. Durkheim Các quy tắc của phương pháp xã hội học Tự tử	M. Weber Công trình nghiên cứu về hành động xã hội	B.F. Skinner Công trình nghiên cứu về tâm lý học
2. Đối tượng nghiên cứu	Các cấu trúc và thiết chế xã hội rộng lớn Tác động của những cấu trúc và thiết chế vi mô tới tư tưởng và hành động cá nhân	Các tác nhân hành động tự xác định bối cảnh xã hội và tác động của những ý nghĩa xã hội đó tới hành động và sự tương tác tiếp theo	Hành vi tự động của cá nhân: phần thưởng/cho những hành vi được khuyến khích - trừng phạt/cho những hành vi bị ức chế, không mong muốn
3. Các phương pháp	Bảng hỏi Phỏng vấn So sánh lịch sử	Bảng hỏi Phỏng vấn Quan sát	Thí nghiệm (thực nghiệm)
4. Các lý thuyết	Lý thuyết chức năng cơ cấu Lý thuyết xung đột Lý thuyết hệ thống (Systems theory)	Lý thuyết hành động Lý thuyết tương tác tượng trưng Hiện tượng luận Phương pháp luận dân tộc học Chủ nghĩa hiện sinh (Existentialism)	Xã hội học hành vi (Behavioral Sociology) Lý thuyết trao đổi (Exchange theory)

Cách sắp xếp của G. Ritzer có một số chỗ không hợp lý. Thứ nhất là, khung mẫu ý nghĩa xã hội và khung mẫu hành vi xã hội có điểm chung là tiếp cận lý thuyết hành động xã hội, thiên về chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận lại bị tách thành 2 khung mẫu lý thuyết độc lập; trong khi đó, lý thuyết chức năng - cơ cấu và lý thuyết xung đột là hai lý thuyết đối đầu, thậm chí có chỗ loại trừ nhau thì lại được xếp vào một khung mẫu (đó là khung mẫu sự kiện xã hội). Thứ hai, nếu xếp lý thuyết xung đột, đặc biệt là lý thuyết xung đột xã hội - giai cấp của K. Marx vào khung mẫu sự kiện xã hội thì mẫu hình không thể duy nhất là E. Durkheim, bởi vì mẫu hình K. Marx không chỉ khác hẳn mà còn đối lập với mẫu hình E. Durkheim. Thứ ba, hơn thế nữa, việc không coi lý thuyết của Marx và chủ nghĩa Mác là khung mẫu lý thuyết độc lập trong xã hội học là kết quả của một thái độ kỳ thị, cố tình hạ thấp vị trí, vai trò của K. Marx và *chủ nghĩa Mác (Marxism)* trong xã hội học và trong Khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Nhưng như vậy là không công bằng, không sòng phẳng về mặt khoa học.

Cứ theo 4 đặc trưng khung mẫu mà G. Ritzer đưa ra để so sánh các khung mẫu lý thuyết xã hội học, thì *chủ nghĩa Mác là một khung mẫu độc lập, cụ thể là:*

1. *Mẫu hình:*

- K. Marx
- Các công trình nghiên cứu về hình thái kinh tế - xã hội.
- Tiêu biểu nhất là "Tư bản luận" của K. Marx.

2. *Đối tượng nghiên cứu*

- Các hình thái kinh tế - xã hội
- Đặc biệt chú trọng hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa

- Kiến tạo mô hình xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là xã hội xã hội chủ nghĩa nhằm thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa.

3. Các phương pháp

- Phương pháp chủ đạo là biện chứng duy vật
- So sánh lịch sử
- Kết hợp định tính và định lượng

4. Các lý thuyết

- Lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội
- Lý thuyết xung đột xã hội - giai cấp
- Chủ nghĩa xã hội (chủ nghĩa tập thể) phương pháp luận

Chủ nghĩa Mác đã từng đối đầu với chủ nghĩa thực chứng và cả với chủ nghĩa phản thực chứng trong giai đoạn cổ điển. Về sau, trong giai đoạn tân cổ điển vẫn tiếp tục đối đầu, tuy có chỗ ít căng thẳng hơn. Và ngày nay, trong giai đoạn phi cổ điển, hậu hiện đại, trường phái *hậu mác-xít* đang đối thoại và chuyển sang thế đối trọng với các trường phái *hậu thực chứng* và *hậu phản thực chứng*. Như vậy là xuyên suốt lịch sử hình thành, phát triển xã hội học có ba khung mẫu lý thuyết cạnh tranh nhau đó là: 1/ Chủ nghĩa thực chứng, 2/ Chủ nghĩa Mác và 3/ Chủ nghĩa phản thực chứng và phản mácxít.

Xã hội học đương đại đang đi trên cỗ xe tam mã "thực chứng - mác-xít - phản thực chứng/phản mác-xít). Ba khung mẫu lý thuyết này vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với nhau nhằm hoàn thiện cơ sở lý thuyết và thực nghiệm của xã hội học với tư cách là một chuyên ngành khoa học xã hội & nhân văn.

G. Ritzer, cũng trong sách đã dẫn²¹, đã đề xuất quan điểm *tiến tới khung mẫu xã hội học tích hợp cao độ hơn* (Toward a more integrated Sociological Paradigm) và đã hình dung sự tích hợp cao độ hơn đó dưới dạng sau đây:

Hình 1: Các cấp độ phân tích xã hội và các khung mẫu xã hội học rộng lớn

Các cấp độ của thực tại xã hội	Các khung mẫu xã hội học
+ Vi mô - chủ quan	Sự kiện xã hội
+ Vi mô - khách quan	
+ Vi mô - chủ quan	Ý nghĩa xã hội
+Vi mô - khách quan	Hành vi xã hội

Khung mẫu xã hội học tích hợp

²¹ G. Ritzer. Sđd, tr 527 - 535.

Điều còn để ngỏ ở đây là *không rõ tích hợp kiểu gì và như thế nào?* Nếu cứ như trên hình 1 thì chỉ thấy *tổng* hợp (nói chính xác hơn là *xếp bên cạnh nhau*) chứ không rõ tích hợp (hòa hợp) vào nhau.

Nhưng chính sự phân tích siêu lý thuyết mà G. Ritzer đã thực hiện, khi bàn về sự tổng - tích hợp lý thuyết (chứ chưa phải là tổng - tích hợp khung mẫu lý thuyết) như tích hợp vĩ mô - vi mô, tích hợp tác nhân - cấu trúc, tổng hợp lý thuyết - kiểu I, tổng hợp lý thuyết - kiểu II²² đã gợi mở công thức tổng - tích hợp khung mẫu lý thuyết xã hội học.

Thực chất của công thức đó là gì? Theo tôi, quan điểm tổng quát nhất (phương châm chỉ đạo xuyên suốt) đó là: *quan điểm toàn thể luận* (Holism). Quan điểm toàn thể luận²³ khắc phục được tình trạng cố chấp dẫn tới bế tắc của quan điểm cực đoan (extremism), duy - vị (kiểu như duy tâm, duy vật, duy cảm, duy lý, vị ngã, vị tha, vị tộc v.v...). Nhưng làm thế nào để khắc phục tình trạng "ba phải", chiết trung, dao động, mất lập trường trong tư duy lý luận? Chỉ có một cách, đó chính là *phải có nguyên tắc khinh - trọng*.

Vận dụng *quan điểm toàn thể luận với nguyên tắc khinh - trọng*, ta thấy có ít nhất hai mô hình tổng - tích hợp lý thuyết vốn ở trong thế đối đầu, loại trừ lẫn nhau giữa A và phi A: Hoặc là hỗn hợp lý thuyết trên cơ sở lấy A làm trọng, hoặc là hỗn hợp lý thuyết lấy phi A làm trọng. Theo công thức này, trong xã hội học đương đại có ba mô hình tổng - tích hợp khung mẫu lý thuyết sau đây:

1. Hỗn hợp lý thuyết lấy chủ nghĩa thực chứng làm trọng
2. Hỗn hợp lý thuyết lấy chủ nghĩa Mác làm trọng
3. Hỗn hợp lý thuyết coi trọng phản thực chứng và phản mác-xít.

Khả năng dung hòa từng cặp khung mẫu đã khó, dung hòa cả ba khung mẫu càng khó khăn hơn. Nhưng đó là triển vọng của khung mẫu thứ 4 trong xã hội học đương đại. Công thức của khung mẫu thứ 4 này là: *Toàn thể (toàn đồ), có phân biệt (hoặc/và không phân biệt), điều chỉnh (hoặc/và không điều chỉnh), thay đổi (hoặc/và không thay đổi) khinh - trọng*. Khung mẫu tổng - tích hợp cao độ hơn này (theo cách nói của G. Ritzer) là một khung mẫu lý thuyết vừa khắc phục được hạn chế của các khung mẫu cực đoan, duy - vị; vừa khắc phục được hạn chế của tình trạng chiết trung, "ba phải", không có lập trường rõ ràng; bởi vì nó có *một lập trường linh hoạt, theo nguyên tắc "dĩ bất biến, ứng vạn biến"...*

²² G. Ritzer., Sdd, chương 10, chương 11, chương 12, chương 13.

²³ Xem thêm, Tô Duy Hợp. *Nan đề và hóa giải nan đề từ hướng tiếp cận toàn thể của I. Kant đến toàn thể luận đương đại*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế tại Hà Nội: Triết học cổ điển Đức - những vấn đề nhận thức luận và đạo đức học. 21 - 22/ 12/ 2004.

Tài liệu tham khảo chính

1. Giddens, 1999. *Lý thuyết*. Tạp chí Xã hội học, số 1/ 1999. Donald Light - Suzanne Kelle - Craig Calhoun, 1989. *Sociology*. Alfred A. Knopf. New York.
2. G. Ritzer, 1992. *Contemporary Sociological Theory*. Third Edition. Mc Graw-Hill, Inc, New York.
3. Günter Endruweit chủ biên, 1999. *Các lý thuyết xã hội học đương đại*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. *Introductory Sociology*. Fourth Edition. Palgrave Macmillan, 2002.
5. Joachim Matthes, 1994. *Một số vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội*. Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước, KX 07. Hà Nội.
6. Lê Ngọc Hùng, 2002. *Lịch sử và lý thuyết Xã hội học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Richard I. Schaefer, Robert P. Lamm, 1998. *Sociology*. Sixth Edition. The Mac Graw-Hill Companies, Inc.
8. Ruth A. Wallace, Alison Wolf, 1999. *Contemporary Sociological Theory. Expanding the classical tradition*. Fifth Edition. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey.
9. T. Kuhn, 1970. *The Structure of Scientific Revolutions*. Chicago, University of Chicago Press.
10. Tô Duy Hợp, 1996. *Đặc điểm tiếp cận hệ thống trong Xã hội học*. Tạp chí Xã hội học, số 4/ 1996.
11. Tô Duy Hợp, 2001. *Lý thuyết hệ thống - nguyên lý và vận dụng*. Tạp chí Triết học, số 9/ 2001.
12. Tô Duy Hợp, 2004. *Nan đề và hóa giải nan đề từ hướng tiếp cận toàn thể của I. Kant đến toàn thể luận đương đại*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế tại Hà Nội: Triết học cổ điển Đức - những vấn đề nhận thức luận và đạo đức học, ngày 21 - 22/ 12/ 2004.
13. Tô Duy Hợp, 2004. *Tổng - tích hợp lý thuyết, một trào lưu mới của tiến trình phát triển xã hội học*. Tạp chí Xã hội học số 2/ 2004.
14. Tô Duy Hợp, 2004. *Tổng - tích hợp lý thuyết. Một đóng góp quan trọng cho tiến trình phát triển tư duy lý luận*. Tạp chí Triết học số 5/ 2004.
15. Tony Bilton, Kenvin Bonnett,... *Nhập môn Xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
16. Vũ Quang Hà. *Các lý thuyết Xã hội học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Tập I - 2001 và tập II - 2002.